TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân
2. Ông Phạm Hồng Kiên

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1036/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 1027/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Mai H; Sinh năm: 1980
HKTT: Thôn Y, xã Y, tỉnh Phú Thọ.
Địa chỉ hiện nay: Số 162 P, thôn 2, xã B, tỉnh Gia Lai.
Số CCCD: 017180007521
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Bùi Văn P; Sinh năm: 1976
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 3 T, xã K, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038076009417
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2026 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị Mai H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã K) tỉnh Thanh Hóa ngày 23/12/2003. Sau khi cưới vợ, chồng sống hòa thuận đến năm 2012 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài khiến chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản. Chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn

quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Trúc L, sinh ngày 16/5/2004 và Bùi Anh T, sinh ngày 05/02/2013. Hiện nay cháu L đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn A sau khi ly hôn và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P vắng mặt nên không có ý kiến của anh P trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Mai H được ly hôn anh Bùi Văn P; Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 05/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Chị Trịnh Thị Mai H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Bùi Văn P. Anh P cư trú tại xã K, tỉnh Thanh Hóa nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân kh vực 7 - Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh P vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh P và đã thông báo kết quả phiên họp cho anh P theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[6]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Mai H và anh Bùi Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã K) tỉnh Thanh Hóa ngày 23/12/2003 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H và anh P đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị Mai H được ly hôn anh Bùi Văn P.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cả 02 con vẫn ở với chị H. Hiện nay cháu L đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Anh T sau khi ly hôn, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Bùi Anh T cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[8]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Mai H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Mai H được ly hôn anh Bùi Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 05/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Mai H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số BLTU/26E/0004116 ngày 25/05/2026. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trịnh Thi Mai H và anh Bùi Văn P. Chị H và anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc